|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phụ lục**

**CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2018/NĐ-CP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Cơ quan** **chủ trì** | **Cơ quan** **phối hợp** | **Thời gian****hoàn thành** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I** | **XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH** |
| 1 | Tham mưu ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của tỉnh. | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện | Tháng 9/2018 | Kế hoạch của UBND tỉnh |
| 2 | Tham mưu quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa. | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Sau khi Thông tư của Bộ Nội vụ được ban hành | Quyết định của UBND tỉnh  |
| 3 | Tham mưu quy định về mức chi phục vụ các hoạt động thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC). | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Sau khi Thông tư của Bộ Tài chính được ban hành | Quyết định của UBND tỉnh  |
| **II** | **THÀNH LẬP, KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRỤ SỞ CỦA BỘ PHẬN MỘT CỬA** |
| 1 | Tham mưu, xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Quý IV/2018 | Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Đề án |
| 2 | Tham mưu, xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | Sở Nội vụ | Văn phòng UBND tỉnh | Quý IV/2018 | Quyết định của UBND tỉnh |
| 3 | Tham mưu, xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tổ chức thực hiện. | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Quý IV/2018 | Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy chế |
| 4 | Tham mưu, xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm các chức danh Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | Sở Nội vụ | Văn Phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Quý IV/2018 | Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 5 | Tham mưu, xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cử công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | Sở Nội vụ | Văn Phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Quý IV/2018 | Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 6 | Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh bố trí trụ sở, trang thiết bị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo Điều 13 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. | Văn Phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Quý IV/2018 và thường xuyên | Trụ sở, trang thiết bị đảm bảo theo quy định |
| 7 | Kiện toàn tổ chức Bộ phận Một cửa và ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. | UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh | Quý IV/2018 | Bộ phận Một cửa được kiện toàn và quy chế về tổ chức, hoạt động được ban hành |
| 8 | Quyết định cử công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đến làm việc tại Bộ phận Một cửa. | UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh | Quý IV/2018 và thường xuyên | Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã |
| 9 | Bố trí trụ sở, trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa theo Điều 13 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. | UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh | Quý IV/2018 và thường xuyên | Trụ sở, trang thiết bị đảm bảo theo quy định |
| 10 | Xây dựng, trình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Bắt đầu từ Quý IV/2018 và thường xuyên theo quy định | Quyết định công bố danh mục TTHC |
| 11 | Xây dựng, trình công bố danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Bắt đầu từ Quý IV/2018 và thường xuyên theo quy định | Quyết định công bố danh mục TTHC |
| 12 | Ban hành quy trình nội bộ đối với việc giải quyết từng TTHC thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. | Văn phòngUBND tỉnh | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Quý I/2019 và hàng năm | Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh  |
| 13 | Ban hành quy trình điện tử đối với việc giải quyết từng TTHC thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Quý I/2019 và hàng năm | Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh  |
| 14 | Tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Một cửa cấp huyện | Văn phòng UBND tỉnh | Quý II/2019 | Tối thiểu 20% số TTHC được thực hiện toàn bộ quy trình tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, 50% số TTHC được thực hiện toàn bộ quy trình tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. |
| 15 | Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, đề xuất các TTHC thực hiện liên thông thuộc ngành, lĩnh vực quản lý khi có yêu cầu. | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Theo thời hạn yêu cầu | Các hoạt động phối hợp khi có yêu cầu |
| 16 | Tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; đánh giá việc giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã. | Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Tổ chức, cá nhân có liên quan | Hàng năm | Báo cáo kết quả đánh giá |
| **III** | **ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG HIỆN ĐẠI** |
| 1 | Nâng cấp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo tiêu chí, quy định thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật, yêu cầu kết nối theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Văn phòng Chính phủ và ban hành quy chế hoạt động. | Sở Thông tin và Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Quý II/2019 | Các hệ thống được vận hành, sử dụng hoặc hoàn thiện và quy chế hoạt động được ban hành |
| 2 | Ứng dụng phần mềm một cửa điện tử thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật, yêu cầu kết nối theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ và ban hành quy chế hoạt động. | Sở Thông tin và Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Quý III/2020 | Phần mềm một cửa điện tử thống nhất được triển khai ứng dụng và quy chế hoạt động được ban hành. |
| 3 | Tổ chức chuyển đổi hồ sơ, tài liệu giấy liên quan đến hoạt động giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân thành hồ sơ điện tử. | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ | Thường xuyên | Các hồ sơ, tài liệu giấy liên quan đến TTHC được chuyển đổi thành hồ sơ điện tử ngay khi tiếp nhận, giải quyết. |
| 4 | Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc xây dựng và đưa vào vận hành Cổng thanh toán tập trung của quốc gia khi có yêu cầu. | Văn phòng UBND tỉnh | Sở Tài chính; Cục thuế tỉnh; Ngân hàng Nhà nước tỉnh | Theo thời hạn yêu cầu | Các hoạt động phối hợp khi có yêu cầu |
| 5 | Phối hợp với Văn phòng Chính phủ trong việc thiết lập Cổng Dịch vụ công quốc gia và ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia khi có yêu cầu. | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Theo thời hạn yêu cầu | Các hoạt động phối hợp khi có yêu cầu |
| 6 | Kết nối, liên thông các hệ thống chứng thực điện tử. | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Quý I/2019 | Hoàn thành liên thông các hệ thống chứng thực điện tử. |
| 7 | Kết nối Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký kinh doanh và cổng thanh toán tập trung quốc gia để hỗ trợ xác thực thông tin người dân, doanh nghiệp và có thể thanh toán phí, lệ phí trực tuyến. | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh | Quý IV/2019: Kết nối với CSDL về đăng ký kinh doanh.Quý III/2020: Kết nối với CSDL về người dân.Quý IV/2020: Kết nối với Cổng thanh toán tập trung. | Các hệ thống được kết nối với nhau. |
| 8 | Thực hiện các biện pháp giám sát, bảo đảm an toàn thông tin cho Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. | Sở Thông tin và Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Thường xuyên | Các hệ thống được bảo đảm an toàn thông tin. |
| **IV** | **TỔ CHỨC TẬP HUẤN, TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN VÀ KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VÀ KẾ HOẠCH NÀY** |
| 1 | Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, sử dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Đã hoàn thành năm 2017 và tiếp tục triển khai hàng năm | Các lớp tập huấn được tổ chức theo kế hoạch. |
| 2 | Tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. | Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Hưng Yên. | Thường xuyên | Nghị định được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, hiệu quả. |
| 3 | Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Kế hoạch này và việc triển khai thành lập, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã | Hàng năm | Báo cáo UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh. |